

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 01-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 625/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B (Vắng mặt).

(Theo Quyết định 3270/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y. Chức vụ: Chuyên viên kiểm soát rủi ro (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ số C, đường D, phường P, TP., tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Theo Giấy ủy quyền số 574/QUQ-CNBR ngày 29-11-2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú tại số G, đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng y trình bày: Ngày 25-5-2017, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Ngọc T1 T ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức vay là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng), bà T được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần; Lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ngoài ra, bà T còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 132.655.881đồng. Từ ngày kích hoạt đến thời điểm khởi kiện, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 137.005.516đồng, sau đó, kể từ ngày 01-7-2022, bà T không thanh toán cho ngân hàng M đã được nhắc nhở nhiều lần, sau 03 kỳ liên tiếp bà T không thanh toán, ngày 30-9-2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 18.041.095đồng sang nợ gốc và tính lãi quá hạn từ thời điểm 30-9-2022.

Do bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 30.917.024đồng, trong đó, nợ gốc là 18.041.095đồng; nợ lãi quá hạn tạm từ ngày 30-9-2022 đến ngày 01-4-2024 là 12.875.929đồng và buộc bà T phải lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Thanh T: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận đến ngày 01-4-2024, bà T còn nợ ngân hàng với tổng số tiền là 30.917.024đồng, trong đó, nợ gốc là 18.041.095đồng; nợ lãi quá hạn là 12.875.929đồng nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả toàn bộ số tiền trên và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 30-5-2017, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Ngọc T1 T ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Địa chỉ bà T cung cấp theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng là số 780/8/50/2D, đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay có tranh chấp xảy ra, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại thời điểm ký kết hợp đồng cấp thẻ tín dụng, bị đơn cung cấp địa chỉ cư trú tại nhà số G, đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm khởi kiện và thụ lý vụ án, bị đơn là người có nghĩa vụ nhưng khi thay đổi địa chỉ không thông báo cho nguyên đơn biết, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định, bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi bị đơn cung cấp địa chỉ tại thời điểm ký kết hợp đồng để xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc.

Quá 03 kỳ thanh toán nợ nhưng bà T không thanh toán nên ngày 30-9-2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 18.041.095 đồng của bà T tại thời điểm này sang nợ gốc. Đến nay, bà T chưa thanh toán khoản nợ gốc nào là vi phạm Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà T phải trả nợ gốc số tiền 18.041.095 đồng cho nguyên đơn.

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi: Tại thời điểm ký kết hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 2,6%/tháng; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Từ thời điểm ngày 30-9-2022 đến ngày 01-4-2024 (xét xử sơ thẩm) là 549 ngày, bà T vẫn

chưa thanh toán khoản nợ lãi quá hạn nào nên bà T còn phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là:

$$((18.041.095\text{đồng} \times (2,766\%/tháng \times 150\%)):30\text{ngày} \times 549\text{ ngày} = 12.875.929\text{đồng}$$

Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển số nợ sang nợ gốc và tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thỏa thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 30.917.024đồng, trong đó, nợ gốc là 18.041.095đồng; nợ lãi quá hạn là 12.875.929đồng. Đồng thời, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng tính từ ngày 02-4-2024 cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 30.917.024đồng (Ba mươi triệu, chín trăm mười bảy ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng), trong đó, nợ gốc là 18.041.095đồng (Mười tám triệu, không trăm bốn mươi một ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng); nợ lãi quá hạn là 12.875.929đồng (Mười hai triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm hai mươi chín đồng).

Tính từ ngày 02-4-2024, bị đơn bà Nguyễn Ngọc T1 T còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Ngọc Thanh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.545.851 đồng (Một triệu, năm trăm bốn mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi một đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001481 ngày 25-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thế Dũng